|  |  |
| --- | --- |
| **SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI**  **TRƯỜNG THPT TRẦN PHÚ-HOÀN KIẾM** | **NỘI DUNG ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ I**  **Môn: Ngữ văn - Khối : 10**  ***Năm học 2022-2023*** |

1. **NỘI DUNG ÔN TẬP**

**Phần I. Đọc hiểu**

**Bài 1**. Thần thoại và sử thi

**Bài 2**. Kịch bản chèo, tuồng

**Bài 4**. Văn bản thông tin

**Phần II. Thực hành tiếng Việt**

**Bài 1**. Nhận biết và sửa lỗi dùng từ

**Bài 2**. Nhận biết và sửa lỗi về trật tự từ

**Bài 3**. Nhận biết và sửa lỗi lặp từ, dùng từ không đúng quy tắc ngữ pháp, không hợp phong cách ngôn ngữ.

**Phần III. Viết**

**Bài 3**. Viết bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay quan niệm.

**Bài 4**. Viết bài luận về bản thân.

1. **CẤU TRÚC ĐỀ**

Đề bao gồm 2 phần:

**Phần I. Đọc hiểu (5,0 điểm)**

*Ngữ liệu*: Cho 01 văn bản thần thoại/sử thi/kịch bản chèo, tuồng/văn bản thông tin (ngoài chương trình sách *Ngữ văn Cánh diều*)

*Hình thức:* Kết hợp giữa trắc nghiệm khách quan và tự luận.

Từ câu 1 đến câu 8: Chọn câu trả lời đúng nhất

Từ câu 9 đến câu 10: Trả lời ngắn.

**Phần II. Thực hành tiếng Việt (1,0 điểm)**

*Hình thức*: tự luận (2 câu)

Tìm lỗi sai và sửa lỗi thích hợp

**Phần III. Viết (4,0 điểm)**

*Hình thức*: Tự luận (Viết bài luận khoảng 600 chữ)

*Dạng 1*. Viết bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm.

*Dạng 2*. Viết bài luận về bản thân.

1. **THỜI GIAN LÀM BÀI**: 90 phút
2. **KHUNG MA TRẬN VÀ BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 10**

**1. Khung Ma trận**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kĩ năng** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **%**  **điểm** |
| **Nhận biết**  (Số câu) | | **Thông hiểu**  (Số câu) | | **Vận dụng**  (Số câu) | | **Vận dụng cao**  (Số câu) | |
| TNKQ | TL | TNKQ | TL | TNKQ | TL | TNKQ | TL |
| **1** | **Đọc** | Thần thoại/sử thi/kịch bản chèo, tuồng/văn bản thông tin | 4 | 0 | 4 | 0 | 0 | 1 | 0 | 1 | 50 |
| **2** | **Thực hành tiếng Việt** | Chỉ ra và sửa lỗi sai về hình thức ngữ âm, chính tả, ngữ nghĩa, ngữ pháp, dùng từ không hợp phong cách, sắp xếp trật tự từ trong câu… | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 1 | 0 | 1 | 10 |
| **3** | **Viết** | 1.Viết bài luận thuyết phục người khác thay đổi một thói quen hoặc một quan niệm. | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| 2. Viết bài luận về bản thân |
| **Tỉ lệ điểm từng loại câu hỏi** | | | ***20%*** | ***10%*** | ***15%*** | ***25%*** | ***0*** | ***20%*** | ***0*** | ***10%*** | **100** |
| **Tỉ lệ điểm các mức độ nhận thức** | | | **30%** | | **40%** | | **20%** | | **10%** | |
| **Tổng % điểm** | | | **70%** | | | | **30%** | | | |
| ***\* Lưu ý:***  – (1\*) kĩ năng viết có 01 câu bao gồm cả 04 mức độ nhận thức (nhận biết, thông hiểu, vận dụng, vận dụng cao)  – Những kĩ năng không có trong ma trận đề kiểm tra định kì (nói và nghe) sẽ được thực hiện ở các bài kiểm tra thường xuyên | | | | | | | | | | | |

**2. Bản đặc tả minh họa**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Đơn vị kiến thức/Kĩ năng** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| Nhận biết | Thông hiểu | Vận dụng | Vận dụng cao |
| **1** | **1. Đọc hiểu** | 1. Thần thoại. | **Nhận biết:**  - Xác định được các phương thức biểu đạt trong truyện thần thoại  - Nhận biết được không gian, thời gian trong truyện thần thoại.  - Nhận biết được đặc điểm của cốt truyện, nhân vật trong truyện thần thoại.  - Nhận biết được đề tài, các chi tiết tiêu biểu, đặc trưng của truyện thần thoại.  - Nhận biết được bối cảnh lịch sử - văn hoá được thể hiện trong truyện thần thoại.  **Thông hiểu:**  - Tóm tắt được cốt truyện.  - Hiểu vàphân tích được nhân vật trong truyện thần thoại; lí giải được vị trí, vai trò, ý nghĩa của nhân vật trong tác phẩm.  - Nêu được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của văn bản; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.  - Lí giải được tác dụng của việc chọn nhân vật người kể chuyện; lời người kể chuyện, lời nhân vật, ... trong truyện thần thoại.  - Lí giải được ý nghĩa, tác dụng của đề tài, các chi tiết tiêu biểu, đặc trưng của truyện thần thoại.  **Vận dụng**:  - Rút ra được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử do văn bản gợi ra.  - Nêu được ý nghĩa hay tác động của tác phẩm đối với nhận thức, tình cảm, quan niệm của bản thân.  **Vận dụng cao**:  - Vận dụng những hiểu biết về bối cảnh lịch sử – văn hoá được thể hiện trong văn bản để lí giải ý nghĩa, thông điệp của văn bản.  - Đánh giá được ý nghĩa, giá trị của thông điệp, chi tiết, hình tượng,… trong tác phẩm theo quan niệm của cá nhân. | 4 câu TN | 4 câu TN | 1 câu Tl | 1 câu TL |
| 2. Sử thi. | **Nhận biết:**  - Nhận biết được đặc điểm của không gian, thời gian, cốt truyện, nhân vật trong sử thi.  - Nhận biết được người kể chuyện (ngôi thứ ba hoặc ngôi thứ nhất); điểm nhìn, lời người kể chuyện, lời nhân vật, ... trong sử thi.  - Nhận biết được đề tài, các chi tiết tiêu biểu, đặc trưng của sử thi.  - Nhận biết được bối cảnh lịch sử - văn hoá được thể hiện trong sử thi.  **Thông hiểu:**  - Tóm tắt được cốt truyện.  - Hiểu vàphân tích được nhân vật trong sử thi; lí giải được vị trí, vai trò, ý nghĩa của nhân vật trong tác phẩm.  - Nêu được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của văn bản; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.  - Lí giải được tác dụng của việc chọn nhân vật người kể chuyện (ngôi thứ ba hoặc ngôi thứ nhất); lựa chọn điểm nhìn, lời người kể chuyện, lời nhân vật, ... trong sử thi.  - Lí giải được ý nghĩa, tác dụng của đề tài, các chi tiết tiêu biểu, đặc trưng của sử thi.  **Vận dụng**:  - Rút ra được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử do văn bản gợi ra.  - Nêu được ý nghĩa hay tác động của tác phẩm đối với nhận thức, tình cảm, quan niệm của bản thân.  **Vận dụng cao**:  - Vận dụng những hiểu biết về bối cảnh lịch sử – văn hoá được thể hiện trong văn bản để lí giải ý nghĩa, thông điệp của văn bản.  - Đánh giá được ý nghĩa, giá trị của thông điệp, chi tiết, hình tượng, những đặc sắc về nghệ thuật trong tác phẩm theo quan niệm của cá nhân. |
| 3.Kịch bản chèo/  tuồng | **Nhận biết**  -Nhận biết một số yếu tố về hình thức, nội dung của văn bản chèo hoặc tuồng như: đề tài, tích truyện, nhân vật, lời thoại, chỉ dẫn sân khấu, chủ đề, thông điệp, thái độ của tác giả dân gian…  - Nhận biết được bối cảnh lịch sử - văn hóa thể hiện trong văn bản chèo và tuồng  **Thông hiểu**  - Tóm tắt được nội dung văn bản chèo, tuồng.  - Hiểu và phân tích được nhân vật trong văn bản chèo, tuồng. Phân tích được các chi tiết ngôn ngữ, hành động, tâm trạng của nhân vật.  - Phân tích được một số yếu tố nghệ thuật sử dụng trong văn bản tuồng, chèo  - Hiểu và phân tích được tác dụng của các chỉ dẫn sân khấu  - Hiểu được tình cảm, thái độ của tác giả dân gian  - Đọc được kịch bản chèo, tuồng  - Nêu được bối cảnh lịch sử - văn hóa thể hiện trong văn bản chèo và tuồng.  **Vận dụng thấp**  - Rút ra được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử được gợi ra từ văn bản  - Nêu được ý nghĩa hay tác động của tác phẩm đối với nhận thức, tình cảm, quan niệm của bản thân.  **Vận dụng cao**  - Vận dụng những hiểu biết về bối cảnh lịch sử – văn hoá được thể hiện trong văn bản để lí giải ý nghĩa, thông điệp của văn bản.  - Đánh giá được ý nghĩa, giá trị của thông điệp, chi tiết, hình tượng, những đặc sắc về nghệ thuật trong tác phẩm theo quan niệm của cá nhân. |  |  |  |  |
| 4. Văn bản thông tin | **Nhận biết**  - Nhận biết được dạng văn bản thông tin  - Nhận biết được nội dung của văn bản thông tin  - Nhận biết được sự kết hợp giữa phương thức thuyết minh với một hay nhiều phương thức biểu đạt khác như miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận…  - Nhận biết được những đặc điểm chung của văn bản như nhan đề/tiêu đề, đề mục lớn, đề mục nhỏ, lời chú thích….  - Phát hiện được mô hình cấu trúc của văn bản (nguyên nhân-kết quả; trật tự thời gian; vấn đề và giải pháp; liệt kê chuỗi sự việc, các bước trong quy trình…)  - Nhận biết được các yếu tố phi ngôn ngữ được sử dụng trong văn bản thông tin.  **Thông hiểu**  **-**Phân tích, đánh giá được cách đặt nhan đề và mục đích của người viết, cách đưa tin và quan điểm của người viết bản tin, sự kết hợp giữa các phương tiện giao tiếp trong việc thể hiện thông tin.  - Giải thích được mục đích của việc lồng ghép phương thức thuyết minh với các phương thức biểu đạt khác trong văn bản  - Phân tích được sự kết hợp giữa phương tiện giao tiếp ngôn ngữ và các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ trong việc thể hiện thông tin chính của văn bản.  - Phân tích được những thông tin chi tiết trong văn bản  - Phân tích, đánh giá được cách đưa tin và quan điểm của người viết ở một bản tin.  **Vận dụng**  - Đọc được các bản nội quy hoặc hướng dẫn nơi công cộng.  - Rút ra được những thông tin từ văn bản. Đánh giá ý nghĩa của những thông tin trong văn bản đối với thực tiễn đời sống.  **Vận dụng cao**  Kết nối với hiểu biết, kinh nghiệm, vốn sống cá nhân và các hoạt động tra cứu khác để hỗ trợ việc tìm hiểu và vận dụng thông tin từ văn bản. |  |  |  |  |
| **2** | **Thực hành tiếng Việt** |  | **Nhận biết**  Xác định được lỗi sai  **Thông hiểu**  Chỉ ra được lỗi sai thuộc phạm vi nào (hình thức ngữ âm, chính tả, ngữ nghĩa, ngữ pháp, dùng từ không hợp phong cách, sắp xếp trật tự từ trong câu…)  **Vận dụng :** Sửa được lỗi sai trong câu | 0 | 0 | 1 câu TL | 1 câu  TL |
| **3** | **Viết** | 1. Viết bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm | **Nhận biết:**  **-** Xác định được yêu cầu về nội dung và hình thức của bài luận.  - Xác định được thói quen xấu hoặc quan niệm sai lệch, phiến diện cần từ bỏ  - Xác định rõ được mục đích, đối tượng của bài luận.  **Thông hiểu:**  - Triển khai vấn đề nghị luận thành những luận điểm phù hợp  - Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm.  - Đảm bảo cấu trúc của một văn bản nghị luận; đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.  **Vận dụng**:  - Đánh giá được ý nghĩa, ảnh hưởng của thói quen/quan niệm đối với người được thuyết phục.  - Nêu được những giải pháp, những đề nghị, khuyến nghị rút ra từ vấn đề bàn luận.  **Vận dụng cao**:  - Sử dụng kết hợp các phương thức miêu tả, biểu cảm,… để tăng sức thuyết phục cho bài viết.  - Thể hiện rõ quan điểm, cá tính trong bài viết. | 1\* | 1\* | 1\* | 1 câu  TL |
| 2. Viết bài luận về bản thân. | **Nhận biết**:  -Xác định được yêu cầu về nội dung và hình thức của bài luận.  - Xác định rõ những đặc điểm tiêu biểu, nổi bật của bản thân.  - Xác định rõ mục đích viết bài luận.  **Thông hiểu**:  - Triển khai vấn đề nghị luận thành những luận điểm phù hợp.  - Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic khi làm rõ những đặc điểm tiêu biểu, nổi bật của bản thân.  - Đảm bảo cấu trúc của một bài luận; đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.  **Vận dụng**:  Trình bày quan điểm riêng của người viết về bản thân và thuyết phục, thu hút người đọc bằng những trải nghiệm có thực của mình.  **Vận dụng cao**:  - Sử dụng kết hợp các phương thức miêu tả, biểu cảm,… để tăng sức thuyết phục cho bài viết.  - Biết đúc rút những bài học, suy ngẫm từ những trải nghiệm của mình  - Thể hiện được phong cách, cá tính, giọng điệu riêng của mình trong bài viết.  - Biết cách sử dụng các yếu tố biểu cảm và tự sự trong bài luận về bản thân. |

.